

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-PT

Ngày: 10 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Ông Hoàng Văn Thụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2021/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Đức T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đức T, Tên gọi khác: T bao cao su; sinh ngày 31 tháng 7 năm 1988 tại thành phố C, Cao Bằng;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm P, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 22/11/2013, bị Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự và 04 (Bốn) năm tù về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 07 (Bảy) năm tù.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14/12/2007, bị Toà án nhân dân huyện A xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 15/4/2010 bị Công an thị xã C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng;

Ngày 28/5/2012 bị Công an phường Đ1, thị xã C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản;

Ngày 11/6/2012 bị Công an thị xã C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/7/2020 đến nay; hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Hoàng Thị Liên, Luật sư của Văn phòng luật sư Mai Anh Giáp thuộc đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng, bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt;

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Ông Lương Hoài L; sinh năm 1991

Nơi cư trú: B, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng; Vắng mặt

+ Ông Lê Văn D; sinh năm 1967. Vắng mặt

+ Ông Đoàn Ngọc H; sinh năm 1990. Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Xóm P, phường Đ, thành phố C, Cao Bằng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 13 giờ ngày 16/7/2020, tổ công tác của Đội Cảnh sát Hình sự - Kinh tế - Ma túy Công an huyện A đang làm nhiệm vụ tại khu vực xóm Xóm R, xã B1, huyện A, Cao Bằng phát hiện bị cáo Nguyễn Đức T có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Kết quả phát hiện cách vị trí đứng của bị cáo khoảng 05 (năm) mét, phía dưới miệng cống nước cạn có 01 (một) gói nhỏ, bên ngoài bọc bằng giấy trắng, bên trong được gói bằng nilon màu đen có chứa chất bột màu trắng dạng cục. Bị cáo thừa nhận chất bột đó là Heroine do mình vừa vút ra khi gặp cơ quan Công an. Tổ công tác đã lập biên bản thu giữ 01 (một) gói nhỏ nói trên, tạm giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của bị cáo, xe mô tô biển kiểm soát 11B1-427.41 và số tiền mặt 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) thu giữ được trên người bị cáo; đồng thời đưa người, tang vật về trụ sở Công an huyện để phục vụ việc điều tra.

Tại cơ quan điều tra bị cáo khai nhận: Số Heroine mà cơ quan Công an thu giữ là của bị cáo mua với một người đàn ông tên Q (Không rõ họ, tuổi, địa chỉ) tại khu vực Bến xe cũ thành phố C với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), mục đích là để sử dụng cho bản thân và không bán lại cho người khác.

Trong quá trình điều tra, tiến hành tra cứu danh mục cuộc gọi và tin nhắn trên chiếc điện thoại NOKIA của bị cáo xác định được bị cáo nhiều lần sử dụng số thuê bao 0815.663.818 để liên lạc với những đối tượng nghiện ma túy gồm Lương Hoài L (sinh năm: 1991; trú tại: B, thị trấn N, huyện A, Cao Bằng) có số thuê bao 0868.787.xxx, Lê Văn D (sinh năm 1967) có số thuê bao 0918.925.xxx và Đoàn Ngọc H (sinh năm 1990) có số thuê bao 0919.286.xxx cùng trú tại: xóm P, Đ, thành phố C, Cao Bằng.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng L, D và H khai nhận được mua ma túy với bị cáo nhiều lần. Cụ thể:

- Lương Hoài L khai đã được mua ma túy với bị cáo 03 (Ba) lần:

- + Lần 1: Ngày 17/6/2020 L mua của bị cáo 01 (Một) gói nhỏ Heroine ở khu vực ngã tư Km8, Đ, thành phố C, Cao Bằng với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng);

- + Lần 2: Ngày 08/7/2020 L mua của bị cáo 01 (Một) gói nhỏ Heroine ở khu vực xóm Xóm R, xã B1, huyện A, Cao Bằng với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm đồng);

- + Lần 3: Ngày 11/7/2020 L mua của bị cáo 01 (Một) gói nhỏ Heroine tại Km5, phường Đ1, thành phố C, Cao Bằng với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Ngoài ra, L còn thừa nhận là người đã gọi điện thoại liên lạc trước với Thắng để hẹn mua ma túy tại xóm Xóm R, xã B1, huyện A, Cao Bằng vào ngày 16/7/2020 nhưng hai bên chưa kịp gặp mặt, giao nhận ma túy thì bị cáo đã bị cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ.

- Lê Văn D khai được mua ma túy với bị cáo 01 (Một) lần vào ngày 15/7/2020 01 (Một) gói nhỏ Heroine tại khu vực xóm P, phường Đ, thành phố C, Cao Bằng với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Đoàn Ngọc H khai đã nhiều lần mua ma túy với bị cáo tuy nhiên chỉ nhớ chính xác là 02 (Hai) lần là:

- + Lần 1: Khoảng đầu tháng 7/2020 H mua của bị cáo 01 (Một) gói nhỏ Heroine ở khu vực ngã tư Km8, Đ, thành phố C, Cao Bằng với giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng);

- + Lần 2: Ngày 15/7/2020 H mua của bị cáo 01 (Một) gói nhỏ Heroine ở đằng sau nhà bị cáo với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Khi có nhu cầu mua ma túy, các đối tượng trên sẽ chủ động gọi đến số điện thoại 0815.663.818 của bị cáo để thỏa thuận và hẹn địa điểm rồi hai bên tiến hành giao dịch, mua bán ma túy theo nội dung đã trao đổi.

Do bị cáo không thừa nhận hành vi mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo với các đối tượng L, D và H. Sau khi đối chất, bị cáo vẫn không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy với các đối tượng trên mà chỉ thừa nhận có quen biết với đối tượng D, H và không quen biết đối tượng L, đồng thời bị cáo thừa nhận không có mâu thuẫn gì với các đối tượng này.

Ngày 16/7/2020, cơ quan điều tra Công an huyện A đã tiến hành cân xác định trọng lượng tang vật là lượng ma túy thu giữ được của bị cáo với trọng lượng tịnh là 2,9840 gam (Hai phẩy chín tám bốn không gam).

Tại Kết luận giám định số 224/GĐMT ngày 26/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận:

“Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy; Loại: Heroine”.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSHA ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Cao Bằng đã truy tố Nguyễn Đức T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HS-ST ngày 21-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm b, q khoản 2 Điều 251; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt giữ ngày 16/7/2020.

Về về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo với hình thức phạt tiền, mức hình phạt là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về việc xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Ngày 02/02/2021, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo Bản án số 01/2021/HS-ST ngày 21-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A và chuyển tội danh từ tội Mua bán trái phép chất ma túy sang tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án HSST và chuyển tội danh từ tội Mua bán trái phép chất ma túy sang tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy mà chỉ thừa nhận hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân; bị cáo khai không

được bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng L, D và H mà chỉ thừa nhận có quen biết với đối tượng D, H và không quen biết đối tượng L; bị cáo thừa nhận được liên lạc gọi điện cho D, H và L nhưng không phải để trao đổi mua bán ma túy; đồng thời bị cáo thừa nhận không có mâu thuẫn gì với các đối tượng này và cũng không giải thích được lý do L, D và H khai như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án nhận định: Bị cáo gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ. Xét kháng cáo của bị cáo: Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đầy đủ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, xử bị cáo 08 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy là có căn cứ; tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho việc kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, giữ nguyên Bản án số 01/2021/HS-ST ngày 21-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo toàn bộ Bản án, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai số ma túy Công an thu giữ khi bắt quả tang bị cáo mua để nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, không có sự việc bán ma túy cho người khác. Án sơ thẩm kết tội bị cáo chỉ căn cứ vào lời khai 03 người làm chứng L, D và H; căn cứ vào các cuộc gọi điện thoại, tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai có được gọi điện nhưng mục đích không phải để trao đổi ma túy; đối với 03 người làm chứng ngoài lời khai không thu được vật chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đức T không có lời bào chữa bổ sung, trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đúng tội danh, chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo; xét đơn kháng cáo của bị cáo viết trong hạn luật định và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, do đó kháng cáo của bị cáo là hợp lệ.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Đức T là người sử dụng ma túy, do không có việc làm ổn định nên thường mua ma túy về chia nhỏ vừa để sử dụng cho bản thân, vừa bán lại cho những người nghiện khác để kiếm lời. Trong thời gian từ

tháng 6/2020 đến ngày 15/7/2020, bị cáo đã 06 (Sáu) lần bán ma túy cho Lương Hoài L, Lê Văn D và Đoàn Ngọc H. Đến ngày 16/7/2020, khi đang đợi để bán Heroine cho Lương Hoài L thì bị cáo bị cơ quan Công an huyện A bắt quả tang, khám xét thu giữ được 2,9840 gam (Hai phẩy chín trăm tám mươi tư gam) Heroine. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài lời trình bày, bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ cho việc kháng cáo. Tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lương Hoài L, Lê Văn D và Đoàn Ngọc H mà chỉ thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với trọng lượng tịnh là 2,9840 gam (Hai phẩy chín tám bốn không gam để bản thân sử dụng, không nhằm mục đích mua bán kiếm lời. Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Đức T tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ để chấp nhận. Mặc dù bị cáo không thừa nhận, thế nhưng, căn cứ lời khai của những người làm chứng Lương Hoài L, Lê Văn D và Đoàn Ngọc H tại cơ quan điều tra, qua đối chất và tại phiên tòa sơ thẩm đều khẳng định đã từng được mua ma túy với bị cáo nhiều lần; Lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thừa nhận có quan hệ quen biết với D, H, không quen biết với L và không có mâu thuẫn gì với những người này; Căn cứ kết quả tra cứu danh mục cuộc gọi và tin nhắn trên chiếc điện thoại NOKIA của bị cáo có số thuê bao 0815.663.xxx của bị cáo trong thời gian từ tháng 6/2020 đến 15/7/2020 do Trung tâm kinh doanh VNPT tỉnh Cao Bằng cung cấp cho thấy bị cáo nhiều lần sử dụng số thuê bao này để liên hệ với L qua số thuê bao 0868.787.xxx, với D qua số thuê bao 0918.925.xxx và với H qua số thuê bao 0919.286.322. Đồng thời, thời gian liên lạc giữa bị cáo với những người làm chứng phù hợp với lời khai của những người làm chứng về thời gian được trao đổi để mua ma túy với bị cáo; Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm. Xét thấy Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng tội danh, không oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo rất nghiêm trọng, bị xã hội lên án, ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với mục đích vụ lợi. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo phải không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo với mức án 08 năm 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp, tương xứng

với hành vi phạm tội. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không có tình tiết mới, do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xét thấy đề nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HS-ST ngày 21-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ điểm b, q khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 16/7/2020.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh CB;
- Sở Tư pháp tỉnh CB;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THA huyện A, tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hoà